

GIẢI PHÁP NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO THEO HỌC CHẾ TÍN CHỈ HIỆN NAY

Nguyễn Minh Khánh

Khoa Kỹ thuật Công nghệ - Trường Đại học Tiền Giang

Email: nguyenminhkhankh@tgu.edu.vn.

Tóm tắt: Đào tạo theo học chế tín chỉ là phương thức đào tạo tiên tiến đang được nhiều quốc gia áp dụng, thay thế cho mô hình đào tạo theo niên chế truyền thống. Việc chuyển đổi từ niên chế sang tín chỉ ở Việt Nam vừa là yêu cầu tất yếu theo định hướng của Bộ Giáo dục và Đào tạo, vừa nhằm đáp ứng quá trình hội nhập với hệ thống giáo dục toàn cầu. Quá trình này đòi hỏi không chỉ đổi mới công tác quản lý đào tạo mà quan trọng hơn là đổi mới căn bản phương pháp dạy và học. Bản chất của đào tạo theo tín chỉ là phát huy tính chủ động của sinh viên, trong đó tự học giữ vai trò quyết định đối với kết quả học tập. Dạy học theo tín chỉ hướng tới “dạy cách học”, coi năng lực tự học là yếu tố then chốt. Vì vậy, việc tổ chức tự học khoa học, hiệu quả là trách nhiệm của người học, góp phần hình thành nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu của xã hội và doanh nghiệp. Bài viết phân tích thực trạng đào tạo theo học chế tín chỉ và đề xuất một số vấn đề cần giải quyết nhằm nâng cao hiệu quả áp dụng mô hình này.

Từ khóa: Tín chỉ, chất lượng đào tạo, hệ thống tín chỉ, đào tạo niên chế, giáo dục đại học.

Nhận bài: 01/12/2025; Biên tập: 02/12/2025; Phản biện: 05/12/2025; Duyệt đăng: 12/12/2025.

1. Đặt vấn đề

Đào tạo theo học chế tín chỉ là 1 trong 7 bước đi quan trọng trong lộ trình đổi mới giáo dục đại học giai đoạn 2006 - 2020. Nghị quyết 29/NQ-TW ngày 04 tháng 11 năm 2013 của Ban chấp hành Trung ương “Về đổi mới căn bản, toàn diện Giáo dục và Đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế” đã chỉ rõ. Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ phương pháp dạy và học theo hướng hiện đại; phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo và vận dụng kiến thức, kỹ năng của người học; khắc phục lối truyền thụ áp đặt một chiều, ghi nhớ máy móc. Tập trung dạy cách học, cách nghĩ, khuyến khích tự học, tạo cơ sở để người học tự cập nhật và đổi mới tri thức, kỹ năng, phát triển năng lực. Chuyển từ học chủ yếu trên lớp sang tổ chức hình thức học tập đa dạng, chú ý các hoạt động xã hội, ngoại khóa, nghiên cứu khoa học. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong dạy và học và phải thực hiện đào tạo theo tín chỉ.

Theo quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành “Quy chế Đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ”, và năm 2011 là hạn cuối cùng để các trường liên quan phải chuyển đổi sang hệ thống đào tạo mới này. Với những ưu điểm của đào tạo theo hệ thống tín chỉ: lấy người học làm trung tâm, người học tự quyết định chọn ngành nghề theo yêu cầu của xã hội,... Thế nhưng qua nhiều năm thực hiện thí điểm ở một số trường đại học trên cả nước, thực trạng cho thấy có rất nhiều thuận lợi và khó khăn của việc thực hiện quy chế này. Đặc biệt là đào tạo tín chỉ chưa thực sự “khớp” với những nhu cầu của doanh nghiệp tại Việt Nam.

Trong bối cảnh hội nhập toàn cầu, với cạnh tranh kinh tế ngày càng tăng cao, đặc biệt sự phát triển công nghệ trong thời đại 4.0. Do đó, nhu cầu doanh

nh nghiệp về nhân lực có chất lượng về chuyên môn, có kỹ năng thuần thực về ngành nghề; để doanh nghiệp có thể sử dụng nhân lực ngay sau đã được tuyển dụng. Vì thế, nguồn nhân lực đủ chất lượng cũng như về số lượng, luôn được xem là một yếu tố tạo nên sự thành công của mọi tổ chức, quốc gia. Đây là nguồn lực quan trọng nhất, quyết định năng suất, chất lượng, hiệu quả sử dụng các nguồn lực khác trong hệ thống các nguồn lực. Việt Nam đang có lợi thế với lực lượng lao động dồi dào và cơ cấu lao động trẻ. Tuy nhiên, nhân lực còn yếu về chất lượng: thiếu hụt lao động có tay nghề cao, chưa đáp ứng được nhu cầu của thị trường lao động và hội nhập; khoảng cách giữa giáo dục nghề nghiệp và nhu cầu của thị trường lao động ngày càng lớn, lao động thiếu năng động và sáng tạo, tác phong chuyên nghiệp.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Khái niệm

Học chế tín chỉ là một hệ thống đào tạo trong đó đơn vị đo lường khối lượng học tập của người học được quy đổi thành tín chỉ, phản ánh thời lượng học tập, nghiên cứu, thực hành và tự học. Đào tạo theo tín chỉ là phương thức tổ chức đào tạo theo từng lớp học phần, cho phép sinh viên tích lũy tín chỉ của từng học phần và thực hiện chương trình đào tạo theo kế hoạch học tập của cá nhân, phù hợp với kế hoạch giảng dạy của cơ sở đào tạo. Sinh viên không đạt một học phần bắt buộc sẽ phải học lại học phần đó hoặc học một học phần tương đương theo quy định trong chương trình đào tạo, hoặc học một học phần thay thế nếu học phần đó không còn được giảng dạy. Sinh viên không đạt một học phần tự chọn sẽ phải học lại học phần đó hoặc có thể chọn học một học phần tự chọn khác theo quy định trong chương trình đào tạo.

Khác với học chế niên chế, mô hình tín chỉ đề

cao vai trò chủ động của người học, cho phép người học tự chọn môn học, thời gian và tiến độ học tập phù hợp với năng lực cá nhân.

2.2. Thực trạng đào tạo tín chỉ

Hiện nay, hầu hết các cơ sở đào tạo các ngành nghề ở cấp bậc cao đẳng - đại học đã chuyển chương trình học theo phương thức đào tạo hệ thống tín chỉ. Hình thức đào tạo theo tín chỉ tổ chức theo từng học kỳ; một năm học có thể tổ chức đào tạo 2-3 học kỳ, mỗi hạng mục đào tạo của một môn học nhất định không tính theo năm học mà căn cứ vào sự tích lũy kiến thức của sinh viên. Nếu như sinh viên tích lũy đủ số tín chỉ theo quy định của ngành học và sẽ nhận được bằng tốt nghiệp đại học hoặc chứng chỉ tốt nghiệp. Một năm học có 02 hoặc 03 học kỳ chính với tổng số tối thiểu 30 tuần lên lớp. Ngoài các học kỳ chính, cơ sở đào tạo có thể tổ chức thêm học kỳ phụ. Điều này cho thấy đào tạo theo hệ thống tín chỉ có những tính ưu việt: lấy sinh viên làm trung tâm, thời gian học tập các học phần linh hoạt, người học được linh hoạt về thời gian tốt nghiệp, giảm thiểu chi phí trong học tập,... Tạo điều kiện cho liên thông, chuyển đổi và tích lũy học phần giữa các cơ sở đào tạo. Phù hợp với xu thế giáo dục mở và hội nhập quốc tế.

Tuy nhiên, việc chuyển đổi từ đào tạo theo niên chế sang đào tạo theo tín chỉ gặp nhiều khó khăn, phần nhiều do các trường chưa có những bước đi phù hợp, chưa lường trước được những vấn đề có thể nảy sinh trong quá trình áp dụng, vì vậy hiệu quả chưa được như mong muốn, còn nhiều khó khăn khi triển khai hình thức đào tạo này do thiếu nguồn lực về tài chính, cơ sở vật chất, trang thiết bị, đặc biệt là đội ngũ giảng viên có kinh nghiệm và trình độ chuyên môn, ...

- Đối với công tác điều hành, quản lý: Nếu như trong đào tạo niên chế, sinh viên học theo một kế hoạch chung do nhà trường sắp xếp (theo biên chế năm học, thời khóa biểu từng kỳ học) thì trong đào tạo tín chỉ, mỗi sinh viên có kế hoạch học tập riêng. Nhiều sinh viên vẫn quen với tư duy, cách thức làm việc cũ, có tư tưởng dựa dẫm vào đội ngũ cán sự lớp trong việc triển khai các nhiệm vụ của nhà trường, vì vậy nhiều em không biết kế hoạch học tập thế nào, chương trình đào tạo ra sao, không biết cách đăng ký học phần, việc tính điểm, việc học cải thiện điểm, việc cảnh báo kết quả học tập... Việc tổ chức sinh hoạt lớp, tham gia các hoạt động đoàn thể cũng có nhiều thay đổi do mỗi sinh viên có lịch học tập riêng. Kế hoạch học tập cá nhân (đăng ký học phần, lựa chọn giảng viên, điều chỉnh kế hoạch học tập, học cải thiện điểm...) được thực hiện chủ yếu thông qua phần mềm quản lý đào tạo... Tất cả những thay đổi này làm cho công tác quản lý, điều hành gặp không ít khó khăn.

Cơ chế đăng ký làm đề tài nghiên cứu khoa học của sinh viên chỉ áp dụng cho các sinh viên có

thành tích học tập giỏi trở lên. Điều này vô tình cản trở hoạt động nghiên cứu khoa học cần được phổ quát đến mọi sinh viên, và vì chính các đề tài nghiên cứu khoa học sẽ rèn tính tự chủ khai phá kiến thức và ứng dụng thực tế của sinh viên. Qua các hoạt động nghiên cứu khoa học, sinh viên có cơ may tiếp cận thích nghi dễ dàng với các nhu cầu của doanh nghiệp sau khi được tuyển dụng.

- Đối với chương trình đào tạo: Chương trình thường xuyên được đánh giá, bổ sung, điều chỉnh, cập nhật mới trên cơ sở tham khảo những chương trình đào tạo tiên tiến. Tuy nhiên, chương trình đào tạo vẫn còn nhiều bất cập, việc điều chỉnh, bổ sung chương trình đào tạo chưa có sự tham khảo các chương trình tiên tiến quốc tế, chưa tham khảo được ý kiến các nhà tuyển dụng, người học sau tốt nghiệp, các tổ chức liên quan nhằm đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực phát triển kinh tế - xã hội. Vì vậy, việc khảo sát chương trình đào tạo cũ, xây dựng chương trình mới đã được triển khai thực hiện nhưng thực chất chưa đi vào chiều sâu.

- Đối với giảng viên: Trên thực tế, đội ngũ giảng viên chưa được nghiên cứu và huấn luyện đầy đủ về phương pháp dạy học tích cực; hoặc giảng viên hiểu một cách cổ hủ về phương pháp dạy học tích cực nên có hiện tượng đi từ thái cực này sang thái cực khác về phương pháp dạy học. Với mục tiêu giảm số lượng giờ dạy nhưng không cắt xén chương trình, đó là phương châm của những người thiết kế chương trình đào tạo theo học chế tín chỉ. Điều này gây tình trạng giảng viên phải tự tìm cách để thích nghi với hệ thống đào tạo tín chỉ mới. Vì thế, một số giảng viên chọn cách làm dễ nhất là dạy đến hết giờ trên lớp, phần chương trình còn lại giao cho sinh viên tự học. Do đó, việc tinh giản chương trình đào tạo chỉ còn mang ý nghĩa thuần túy là cắt giảm giờ dạy một cách máy móc. Ngoài ra, trong môi trường đại học, việc kiểm soát tự học và tự nghiên cứu của sinh viên cũng chưa có qui định công việc cho giảng viên; vì thế kiểm soát việc tự học không được tiến hành có quy củ và đều đặn, khiến xảy ra nguy cơ khoán trắng việc tự học cho tinh thần tự giác của sinh viên. Chính vì đào tạo tín chỉ, thời gian giảng dạy cô đọng, cần nhiều thời gian cho việc chuẩn bị cho các kiến thức từng buổi giảng,... Vì thế, phần đông đội ngũ giảng viên tuy có kiến thức chuyên môn có thể là sâu lý thuyết, nhưng chưa có thời gian để thử nghiệm trên thực tế, chưa có nhiều cơ hội để ứng dụng kiến thức chuyên môn tại cơ sở kinh tế sản xuất của các doanh nghiệp.

- Đối với sinh viên: Bản chất của việc học theo phương thức tín chỉ là sinh viên tự học, tự nghiên cứu dưới sự hướng dẫn, giúp đỡ của giảng viên. Tuy nhiên, hầu hết các em chưa xây dựng được phương pháp học tập phù hợp, chưa có thói quen coi những giờ tự học, những giờ chuẩn bị bài là

một phần của môn học. Quan sát trong các giờ học, chúng tôi thấy rằng khi giao bài tập về nhà cho sinh viên tự nghiên cứu thì rất nhiều em không làm hoặc làm sơ sài, làm cho có.

Trong qui trình đào tạo theo hệ thống tín chỉ đòi hỏi sinh viên phải có kỹ năng tự học và tự nghiên cứu; điều này gây khó khăn cho các đối tượng sinh viên mới bước vào môi trường đại học; với các thói quen học vẹt, chỉ học theo giáo trình, bài vở của giảng viên được hình thành từ khi còn học phổ thông; khiến sinh viên mất phương hướng.

Đối với người học chưa có kinh nghiệm học tập, hay không siêng năng; thì sẽ rơi vào tình trạng kiến thức học tập không đầy đủ. Chính vì đào tạo học phần theo tín chỉ, thời gian giảng viên truyền tải kiến thức ngắn, phương pháp giảng dạy chủ yếu gọi mở dẫn dắt, người học phải tự nghiên cứu, tự tìm kiến thức bổ trợ,...

Trong môi trường lớp học theo tín chỉ, sự liên kết hỗ trợ giữa các sinh viên sẽ khó hơn. Vì mỗi sinh viên sẽ chọn cho mình những môn học, thời gian và lớp học phần khác nhau. Do đó, sự hỗ trợ kiến thức, thông tin giữa các sinh viên trong lớp học tín chỉ bị cản trở về thời gian, không gian; khiến cho sinh viên phải nỗ lực nhiều trong việc học tập của bản thân.

2.3. Giải pháp nâng cao chất lượng phương thức đào tạo theo tín chỉ

Thứ nhất, nâng cao nhận thức, trách nhiệm và phát huy vai trò cán bộ quản lý giáo dục, giảng viên, người học trong thực hiện phương thức đào tạo tín chỉ.

Như đã nêu ở trên, một trong những hạn chế của các cơ sở giáo dục đại học khi áp dụng phương thức đào tạo tín chỉ là do nhận thức của cán bộ quản lý, giảng viên, người học về phương thức đào tạo tín chỉ có lúc, có nơi chưa được đầy đủ, do đó khi thực hiện thiếu đồng bộ, thiếu triệt để. Để khắc phục hạn chế đó, trong thời gian tới Bộ Giáo dục và Đào tạo nên có các chương trình khảo sát, đánh giá hiệu quả việc chuyển đổi, áp dụng phương thức đào tạo tín chỉ ở tất cả cơ sở giáo dục đại học Việt Nam, có thể tiến hành sơ kết, đánh giá kết quả thực Nghị quyết Chính phủ về “Đổi mới cơ bản, toàn diện giáo dục đại học Việt Nam giai đoạn 2006 - 2020”, chỉ đạo các trường tổng kết, đánh giá, tổ chức các hội thảo, tọa đàm... để phân tích đánh giá một cách toàn diện đầy đủ tính hiệu quả, những ưu điểm trong triển khai và những hạn chế, bất cập của các trường, đặc biệt là thấy rõ được những thuận lợi, khó khăn trong áp dụng thực hiện phương thức đào tạo tín chỉ ở các cơ sở giáo dục đại học, kể cả trường công lập và ngoài công lập. Từ đó có giải pháp đồng bộ, tháo gỡ khó khăn của các trường, nhất là phải xác định rõ yêu cầu, mục tiêu, tiêu chí, nhiệm vụ cụ thể cần thực hiện trong áp dụng phương thức đào tạo tín chỉ đối với các cơ sở giáo dục đại học hiện nay.

Trên cơ sở đó, đẩy mạnh tuyên truyền, nâng cao nhận thức, trách nhiệm, thống nhất tư tưởng và hành động, thực hiện các biện pháp cụ thể để phát huy vai trò cán bộ quản lý, giảng viên, người học ở các cơ sở giáo dục đại học thực hiện hiệu quả phương thức đào tạo tín chỉ trong thời gian tới.

Thứ hai, tăng cường tính hệ thống, đồng bộ, liên thông, liên kết giữa các ngành học, trình độ đào tạo của cơ sở giáo dục đại học và giữa các cơ sở giáo dục đại học với nhau.

Để đảm bảo tính hệ thống, đồng bộ, liên thông, liên kết giữa các cơ sở đào tạo đại học trong đào tạo tín chỉ, đòi hỏi hoạt động quản lý đối với giáo dục đại học phải tiếp tục được tăng cường, phải thiết lập được hệ thống tiêu chuẩn chung về nội dung, chất lượng và trình độ đào tạo, quy trình tổ chức quản lý đào tạo đối với các trường. Gần đây, việc ban hành Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT (ngày 22/6/2021) của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về chuẩn chương trình đào tạo, là một căn cứ rất cần thiết để tăng cường quản lý, đảm bảo sự thống nhất, đồng bộ về về mục tiêu đào tạo; chuẩn đầu ra và chuẩn đầu vào của chương trình đào tạo; khối lượng đào tạo; cấu trúc và nội dung của chương trình đào tạo; phương pháp giảng dạy và kiểm tra - đánh giá kết quả học tập; đội ngũ giảng viên và nhân lực hỗ trợ; cơ sở vật chất, công nghệ và học liệu. Thông tư nêu trên cũng là căn cứ để Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành các quy định về mở ngành đào tạo, xác định chỉ tiêu tuyển sinh và tổ chức tuyển sinh, tổ chức và quản lý đào tạo, liên thông trong đào tạo, các tiêu chuẩn đánh giá và kiểm định chương trình đào tạo. Đây cũng là căn cứ để cơ sở giáo dục đại học xây dựng, thẩm định, phê duyệt, thực hiện, đánh giá và cải tiến chương trình đào tạo; xây dựng các quy định về tuyển sinh, tổ chức và quản lý đào tạo, công nhận và chuyển đổi tín chỉ cho người học, công nhận chương trình đào tạo của các cơ sở đào tạo khác; thực hiện trách nhiệm giải trình về chất lượng. Ngoài ra, Thông tư này là cơ sở để các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền thanh tra, kiểm tra về chương trình đào tạo và bảo đảm chất lượng chương trình đào tạo; các bên liên quan và toàn xã hội giám sát hoạt động và kết quả đào tạo của cơ sở đào tạo. Đối với các cơ sở giáo dục đại học cần rà soát, đổi mới các chương trình đào tạo để đảm bảo tuân thủ các quy định về chuẩn chương trình đào tạo; đảm bảo tỷ lệ giống và khác nhau giữa các ngành, chuyên ngành trong cùng một ngành, giữa các ngành trong cùng một nhóm ngành, giữa các trình độ đào tạo, để đảm bảo tính hệ thống, liên thông trong đào tạo tín chỉ của trường; đồng thời, các chương trình đào tạo cần có tính linh hoạt cao, phù hợp với nhu cầu thị trường lao động và sự phát triển của ngành học, cho phép sinh viên có cơ hội nhiều hơn trong việc lựa chọn các học phần phù hợp với nguyện vọng và

mục tiêu học tập của mình. Tính đồng bộ, hệ thống, gắn kết trong đào tạo tín chỉ không chỉ thể hiện ở nội dung chương trình đào tạo mà rất cần ở cả khâu tổ chức, quản lý quá trình đào tạo; do đó, với vai trò quản lý nhà nước, Bộ Giáo dục và Đào tạo nên thiết lập một hệ sinh thái dữ liệu chung của giáo dục đại học, giúp các trường bộ công cụ và phần mềm quản lý tín chỉ, lịch trình học tập, kết quả kiểm tra - đánh giá và thông tin sinh viên một cách dễ dàng và chính xác. Sinh viên có thể sử dụng hệ thống để tra cứu thông tin, ghi nhận tín chỉ và chuyển tiếp kết quả học tập giữa các cơ sở giáo dục đại học một cách thuận lợi. Hệ thống này cũng giúp cơ quan quản lý giáo dục có cái nhìn tổng quan về quá trình đào tạo và đánh giá chất lượng của các cơ sở giáo dục đại học.

Thứ ba, đổi mới phương pháp giảng dạy và kiểm tra - đánh giá; phương thức quản lý đào tạo ở các cơ sở giáo dục đại học đáp ứng yêu cầu phương thức đào tạo tín chỉ.

Phương thức đào tạo tín chỉ đòi hỏi một sự đổi mới căn bản về phương pháp giảng dạy so với đào tạo niên chế. Các cơ sở giáo dục đại học học cần tăng cường bồi dưỡng giảng viên cập nhật phương pháp giảng dạy mới, tích cực, hiện đại và áp dụng hiệu quả vào thực tiễn giảng dạy. Ngoài ra, sử dụng các thiết bị và công nghệ mới trong dạy học cũng là một yếu tố quan trọng. Giảng viên sử dụng các thiết bị công nghệ như máy tính, máy chiếu, màn hình tương tác, phần mềm học trực tuyến và các ứng dụng di động có thể được sử dụng để cung cấp tài liệu, học liệu học tập, thực hiện hoạt động tương tác và tạo điều kiện cho sinh viên tự học. Sử dụng thiết bị công nghệ giúp tăng tính thực tế, sự hấp dẫn và tương tác với sinh viên trong quá trình giảng dạy của giảng viên. Phương pháp đào tạo tín chỉ cũng đặt ra yêu cầu về đổi mới phương pháp kiểm tra - đánh giá. Các cơ sở giáo dục đại học cần áp dụng các phương pháp kiểm tra - đánh giá mới, phù hợp với đặc thù học phần và đào tạo tín chỉ để đảm bảo tính chính xác, khách quan, trung thực, tin cậy trong đo lường kết quả học tập của sinh viên. Kiểm tra - đánh giá theo phương thức đào tạo tín chỉ của các trường đòi hỏi đánh giá được toàn diện các nhiệm vụ học tập của sinh viên, chú trọng tất cả các khâu kiểm tra - đánh giá, nhất là đối với hoạt động tự học, tự nghiên cứu của sinh viên; đánh giá thường xuyên trong suốt quá trình học; đa dạng hoá các hình thức kiểm tra - đánh giá; đồng thời cần được áp dụng công nghệ thông tin, phần mềm hoá trong kiểm tra - đánh giá để đảm bảo tính khách quan.

Tiếp tục đổi mới phương thức quản lý đào tạo của các cơ sở giáo dục đại học phù hợp với yêu cầu đào tạo tín chỉ. Các trường cần rà soát, sửa đổi, bổ sung hệ thống các quy chế, quy định về đào tạo tín chỉ, đảm bảo tính chặt chẽ, khoa học; đổi mới công tác xây dựng kế hoạch đào tạo, cần thay

đổi phương thức xây dựng kế hoạch đào tạo, tạo sự chủ động và cơ hội lựa chọn học phần cho sinh viên. Thay vì áp đặt kế hoạch đào tạo cố định, cần tạo được sự linh hoạt để sinh viên có thể tùy chọn, chủ động kế hoạch học tập phù hợp với lộ trình và mục tiêu cá nhân. Việc cung cấp thông tin đầy đủ và rõ ràng về kế hoạch đào tạo tổng thể của chương trình đào tạo, khoá học; việc chủ động lựa chọn, đăng ký môn học của sinh viên; mục tiêu, yêu cầu của các môn học... là rất cần thiết đối với sinh viên. Đặc biệt là hệ thống phần mềm, công nghệ thông tin của trường phải hỗ trợ đắc lực cho sinh viên trong quản lý, theo dõi kế hoạch học tập của mình. Bối cảnh bùng nổ công nghệ thông tin, quá trình chuyển đổi số diễn ra mạnh mẽ, càng đòi hỏi hoạt động quản lý đào tạo của các trường phải có những đổi mới.

Thứ tư, tăng cường số lượng và chất lượng đội ngũ cán bộ, giảng viên; đầu tư các nguồn lực tài chính, điều kiện cơ sở vật chất và các trang thiết bị, kỹ thuật - công nghệ đáp ứng yêu cầu đào tạo theo tín chỉ của các cơ sở giáo dục đại học.

Đào tạo theo phương thức tín chỉ, trước hết đặt ra các yêu cầu phải đáp ứng về đội ngũ cán bộ, giảng viên đủ cả về số lượng và chất lượng. Việc có đủ số lượng cán bộ, giảng viên để đảm nhận công tác giảng dạy, hướng dẫn và đánh giá sinh viên theo phương thức tín chỉ sẽ giúp đảm bảo khối lượng công việc được phân chia hợp lý và tránh quá tải cho mỗi cá nhân. Đội ngũ cán bộ, giảng viên cần có kiến thức chuyên môn sâu về lĩnh vực mình giảng dạy. Các cơ sở giáo dục đại học cần chú trọng đến việc đào tạo và nâng cao năng lực cho cán bộ, giảng viên tham gia đào tạo tín chỉ. Điều này có thể bao gồm việc tổ chức các khóa đào tạo, hội thảo, chia sẻ kinh nghiệm, cung cấp tài liệu và nguồn tư liệu phù hợp để cập nhật kiến thức và phương pháp giảng dạy mới. Cần thiết lập và duy trì có hiệu quả hệ thống đánh giá và phản hồi chặt chẽ giữa sinh viên và cán bộ, giảng viên. Sinh viên nên có cơ hội đánh giá và đưa ra phản hồi về phương pháp giảng dạy, tư duy, hỗ trợ từ cán bộ, giảng viên để giúp cải thiện và tăng cường hiệu quả đào tạo. Đội ngũ cán bộ, giảng viên cần được khuyến khích và tạo điều kiện để tham gia vào hoạt động nghiên cứu và ứng dụng trong lĩnh vực đào tạo tín chỉ. Nghiên cứu và ứng dụng sẽ giúp cải thiện phương pháp giảng dạy, đồng thời mang lại những kiến thức mới và áp dụng thực tế vào quá trình đào tạo. Cùng với đội ngũ cán bộ, giảng viên, nguồn lực tài chính để đầu tư nâng cấp, hiện đại hoá cơ sở vật chất cũng phải được đáp ứng trong đào tạo tín chỉ, đặc biệt là kỹ thuật - công nghệ, bởi cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đang tác động rất mạnh mẽ, làm thay đổi mọi phương thức hoạt động của các lĩnh vực, ngành nghề. Đối với trường đại học cần được thúc đẩy chuyển đổi số mạnh mẽ, ứng dụng hiệu quả kỹ

thuật - công nghệ trong tổ chức, quản lý đào tạo tín chỉ. Bởi vậy những vướng mắc, khó khăn về cơ chế, chính sách liên quan đến huy động nguồn lực tài chính, hiện đại hoá cơ sở vật chất các trường, nhất là các trường đại học công lập hiện nay cần được tháo gỡ kịp thời để đào tạo theo phương thức tín chỉ ở các cơ sở giáo dục đại học Việt Nam phát huy được những lợi thế, nâng cao hơn nữa chất lượng, hiệu quả trong thời gian tới.

3. Kết luận

Học chế tín chỉ là phương thức đào tạo rất mềm dẻo, linh hoạt, với nhiều ưu thế. Tuy nhiên, để đào tạo tín chỉ đi vào thực chất, phát huy được hiệu quả đòi hỏi các trường cần có sự chuẩn bị chu đáo về mọi mặt, đặc biệt là sự thay đổi về tư duy quản lý, đổi mới cách thức dạy và học. Như vậy, rõ ràng học chế tín chỉ mang lại nhiều lợi ích trong công tác đào tạo, nó làm cho sinh viên chủ động hơn trong hoạt động học tập, đặc biệt nó tạo tác phong công nghiệp đối với mọi hoạt động của nhà trường, từ sinh viên đến giảng viên, vì mọi hoạt động đào tạo trong trường phải được khớp nối đúng thời gian và địa điểm. Sự nghiệp giáo dục thành công hay không tùy thuộc rất nhiều vào phương pháp của người dạy, sự nỗ lực của người học và những điều kiện khác. Dạy học trong đào tạo theo tín chỉ là một lộ trình tốt để quá trình dạy học đạt hiệu quả cao nhất; tạo động lực phát huy mạnh mẽ nội lực của mỗi thành viên tham gia. Giảng viên luôn "lấy người học làm trung tâm" hay "chủ động hoá người học"

trong quá trình truyền đạt kiến thức. Dạy cho sinh viên cách tự học và cho họ những kiến thức cốt lõi mà cuộc sống cần nghĩa là "đào tạo đáp ứng yêu cầu xã hội". Học theo hệ thống tín chỉ đòi hỏi người học luôn phải linh động linh hoạt khi tiếp thu và sử dụng kiến thức của mình, dạy cho sinh viên sử dụng lý thuyết đa thông minh một cách hiệu quả nhất. Người giảng viên tinh thông chuyên môn là điều kiện tiên quyết để vận dụng giảng dạy đạt chất lượng cao ■

Tài liệu tham khảo

- [1]. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2007). *Quyết định số 43/2007/QĐ- BGD&ĐT ngày 15/8/2007 về Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ*.
- [2]. Bộ GD-ĐT (2016). *Dạy học tích cực - Một số phương pháp và kỹ thuật dạy học*. Nxb. Đại học Sư phạm.
- [3]. Diệp Ngọc Dũng (2010). *Một số tồn tại trong quá trình chuyển đổi sang đào tạo theo hệ thống tín chỉ*. Kỷ yếu hội nghị Tổng kết, đánh giá công tác đào tạo tín chỉ, Trường Đại học Cần Thơ.
- [4]. Đào Ngọc Cảnh, Trịnh Duy Oánh (2012). *Một số vấn đề về đào tạo theo học chế tín chỉ*. Tạp chí Đại học Sài Gòn.
- [5]. *Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18/3/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo*.
- [6]. Trần Thanh Ái (2010). *Đào tạo theo hệ thống tín chỉ - Các nguyên lý, thực trạng và giải pháp*, Kỷ yếu hội thảo khoa học toàn quốc Đổi mới phương pháp giảng dạy đại học theo tín chỉ. Chuyên san của Tạp chí Đại học Sài Gòn.

Solutions to improve the quality of credit-based training today

Nguyen Minh Khanh

Faculty of Engineering and Technology, Tien Giang University
Email: nguyenminhkhánh@tgu.edu.vn.

Abstract: Credit-based training is an advanced training method being adopted by many countries, replacing the traditional semester-based training model. The transition from a semester-based to a credit-based system in Vietnam is both a necessary requirement, aligned with the direction of the Ministry of Education and Training, and a step towards integration with the global education system. This process requires not only innovation in training management but, more importantly, a fundamental innovation of teaching and learning methods. The nature of credit-based training is to promote student initiative, with self-study playing a decisive role in learning outcomes. Credit-based teaching aims to "teach how to learn," considering self-learning ability as a key factor. Therefore, organizing effective and scientific self-study is the responsibility of the learners, contributing to the formation of high-quality human resources that meet the requirements of society and businesses. This article analyzes the current state of credit-based training and proposes several issues that need to be addressed to improve the effectiveness of this model.

Keywords: Credits, training quality, credit system, semester-based training, higher education.